

TỔNG CỤC HẢI QUAN-
BỘ TÀI CHÍNH
Số: 80/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 1994

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hải quan

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/01/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ chương IV Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/03/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan;

Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hải quan như sau:

I- PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về hải quan quy định tại Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 của Chính phủ về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan thì phải nộp lệ phí hải quan theo quy định tại Thông tư này (trừ trường hợp quy định tại điểm 2 mục này).

2. Các trường hợp sau đây không phải nộp lệ phí hải quan:

a) Hàng hoá, hành lý và các vật phẩm khác được miễn lệ phí hải quan hoặc miễn các khoản phí, lệ phí theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia hoặc thoả thuận.

b) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước

ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

c) Hàng đang làm thủ tục hải quan phải lưu kho hải quan để ngày hôm sau hoàn thành thủ tục hải quan.

d) áp tải tàu biển và hàng hoá, hành lý chuyên chở trên tàu biển từ phao số "0" vào khu vực cảng biển và ngược lại.

II- MỨC THU VÀ TỔ CHỨC THU, NỘP:

1. Mức thu lệ phí hải quan được quy định tại các biểu phụ lục (I, II, III, IV, V) ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng hàng nhận gia công cho nước ngoài và hàng là đá, cát, sỏi, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, thạch cao và quặng các loại thu bằng 50% mức thu quy định.

- Trường hợp cá biệt nếu số lệ phí lưu kho phải nộp tương đương hay vượt quá trị giá hàng hoá, hành lý thì được áp dụng mức thu bằng 30% giá trị hàng hoá, hành lý ký gửi.

- Hàng lưu giữ tại kho cơ quan Hải quan đã quá thời hạn sáu tháng (riêng hàng khó bảo quản như thực phẩm, thuốc lá... đã quá 2 tháng) kể từ ngày cơ quan Hải quan ra thông báo lần thứ ba mời chủ hàng đến nhận, nhưng chủ hàng không trả lời hoặc không có người đến nhận thì cơ quan Hải quan tổ chức thanh lý theo quy định của Chính phủ. Tiền bán hàng nộp vào tài khoản tạm gửi của cơ quan Hải quan. Trong thời hạn 6 tháng nếu chủ hàng có lý do chính đáng thì được nhận lại tiền bán hàng nói trên; quá 6 tháng phải nộp ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ chi phí bán hàng.

2. Cơ quan Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hải quan cửa khẩu và các tổ chức đơn vị Hải quan tương đương hoặc các điểm thông quan hợp pháp thuộc Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí hải quan theo quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi chung là cơ quan thu lệ phí hải quan).

Cơ quan thu lệ phí hải quan có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.